TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/DS-ST
Ngày: 31-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dưỡng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thanh Xuân;

Bà Dương Thị Quyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Liếng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Phạm Văn Sóc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 và ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở 02, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 562/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2026/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khóm A, phường H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng: Bùi Văn M, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà N, ông H có mặt tại phiên tòa, ông M vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị N: Nguyên trước đây ông Trần Văn H có mua đồ hàng bông rau cải của bà N tại

chợ H2. Trong quá trình làm ăn với nhau thì ông H cứ mua rồi trả được một phần còn một phần thì gối đầu lại lần sau lâu lâu thì tính sổ một lần. Lần đầu là tính đến tháng 8/2022 thì tính sổ ông H thiếu bà N 7.200.000 đồng thì ông H1 bỏ đi không mua nữa. Sau đó khoảng vai tháng thì ông H quay về mua lại và nói bà N bán thì sẽ trả dần tiền cũ bớt thấy vậy bà N tiếp tục bán cho ông H tính đến tháng 4/2024 thì tính sổ lại là ông H còn thiếu bà N là 9.000.000 đồng. Cộng 2 khoản lại là 16.200.000 đồng nên bà N thấy số tiền nợ lớn quá thì có yêu cầu ông H trả hết tiền cũ mới bán nữa thì ông H có trả nhiều lần công lại được 3.000.000 đồng thì không trả nữa nên bà N không bán rau cải cho ông H nữa. Và từ đó đến nay thì ông H không có trả cho bà N thêm số tiền nào nữa mà cố ý trốn tránh bà N dù bà N có yêu cầu ông H trả nợ nhiều lần.

Nên nay bà N khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn H trả số tiền nợ mua rau củ còn thiếu gốc là 13.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà N không yêu cầu bổ sung gì thêm.

- Lời trình bày của bị đơn Trần Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà N. Tại phiên tòa ông H thừa nhận là có mua rau cải của bà N nhiều lần. Lần đầu tính đến tháng 8/2022 thì tính sổ ông H thiếu bà N 7.200.000 đồng và lần sau tính đến tháng 4/2024 thì tính sổ lại là ông H còn thiếu bà N là 6.000.000 đồng nhưng ông H đã trả tiền xong rồi, không còn thiếu bà N.

- Lời trình bày của người làm chứng Bùi Văn M: Ông M là người có sạp bán nấm rơm gần sạp rau cải của bà N nên ông M đều biết ông H và bà N vì làn bạn hàng với nhau. Ông H cũng có mua thiếu nấm rơm của ông M nhưng không trả nên nay ông M cũng nghỉ bán nấm rơm cho ông H rồi và ông M có nghe bà N nói ông H có thiếu tiền rau cải của bà N hơi nhiều mà không trả nên bà N đã nghỉ bán rau củ cải cho ông H rồi còn thiếu bao nhiêu thì ông M không biết. Việc bạn hàng mua bán đồ với nhau thì không có giấy tờ như ông H thiếu tiền mua nấm rơm của ông M cũng không có giấy tờ.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, 117, 119, 430, 440 Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N, buộc bị đơn Trần Văn H phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị N tổng số tiền mua rau cải còn nợ là 13.200.000 đồng, không tính lãi do bà N không yêu cầu.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn Trần Văn H trả cho nguyên đơn tiền mua rau cải còn thiếu là 13.200.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn Trần Văn H và việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn Trần Văn H không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N. Tại phiên tòa thì bị đơn Trần Văn H thừa nhận là có mua rau cải của nguyên đơn Nguyễn Thị N còn thiếu 2 lần là 13.200.000 đồng và bị đơn Trần Văn H đã trả cho bà N xong rồi. Nhưng bị đơn Trần Văn H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh là mình đã trả xong số tiền còn nợ khi mua rau cải của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

Tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh:

"*2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*

...

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".

Đồng thời tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

"*2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*".

Bị đơn Trần Văn H trình bày thừa nhận là có mua rau cải thiếu tiền 2 lần tổng là 13.200.000 đồng của nguyên đơn Nguyễn Thị N và đã trả tiền nợ xong rồi mà bị đơn Trần Văn H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả rồi không còn nợ nguyên đơn Nguyễn Thị N nên bị đơn Trần Văn H phải

chịu hậu quả cho việc không chứng minh được đối yêu cầu của nguyên đơn. Đồng thời, người làm chứng Bùi Văn M trình bày biết việc bị đơn Trần Văn H thiếu tiền nguyên đơn Nguyễn Thị N. Từ đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N về việc yêu cầu bị đơn Trần Văn H trả số tiền nợ rau cải như nêu trên là phù hợp với quy định tại các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Nguyễn Thị N là có căn cứ để chấp nhận. Buộc bị đơn Trần Văn H có nghĩa vụ trả nguyên đơn Nguyễn Thị N số tiền mua rau cải còn thiếu 13.200.000 đồng, không có tính lãi.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trong vụ án này bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn N số tiền là 13.200.000 đồng nên phải có nghĩa vụ chịu 5% x 13.200.000 đồng = 660.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí; Nguyên đơn Nguyễn Thị N không phải chịu án phí nên được nhận lại 330.000 đồng (Ba trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0006829 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 229, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

Buộc ông Trần Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền mua rau cải còn thiếu 13.200.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng), không có lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn H có nghĩa vụ chịu là 660.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N 330.000 đồng (Ba trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0006829 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2026).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Dưỡng